

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, hai Bộ sẽ phối hợp thảo luận và giải quyết.

3. Thông tư liên tịch này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

NGUYỄN MINH HIẾN

Bộ trưởng Bộ Y tế

TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN

BỘ CÔNG AN

THÔNG TƯ số 10/2003/TT-BCA(C11)
ngày 03/7/2003 hướng dẫn thi hành
một số quy định của Nghị định số
15/2003/NĐ-CP ngày 19/02/2003 của
Chính phủ quy định xử phạt vi
phạm hành chính về giao thông
đường bộ.

Ngày 19/02/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2003/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ, để thống nhất thực hiện, Bộ Công an hướng dẫn chi tiết thi hành một số nội dung cụ thể như sau:

1. Về đánh dấu số lần vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ trên Giấy phép lái xe:

a) Việc đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe chỉ được áp dụng đối với những hành

vi mà Nghị định số 15/2003/NĐ-CP có quy định đánh dấu số lần vi phạm và thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 03/2003/TTLT-BCA-BGTVT ngày 27/01/2003 của liên Bộ Công an - Giao thông vận tải về hướng dẫn việc đánh dấu số lần vi phạm luật giao thông đường bộ trên Giấy phép lái xe;

b) Khi đánh dấu lần thứ 2 trên Giấy phép lái xe, cơ quan cảnh sát giao thông phải thông báo bằng văn bản về người vi phạm và số Giấy phép lái xe đã bị đánh dấu lần thứ 2 đến cơ quan quản lý Giấy phép lái xe để biết và phối hợp thực hiện theo quy định;

c) Trong trường hợp người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ không phải là cảnh sát giao thông, nếu phát hiện hành vi vi phạm mà theo quy định của Nghị định số 15/2003/NĐ-CP ngoài việc bị xử phạt còn bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe thì không ra quyết định xử phạt mà phải lập biên bản và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan cảnh sát giao thông có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt và thực hiện việc đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe theo quy định.

2. Về hành vi chạy quá tốc độ quy định:

Hành vi "chạy quá tốc độ quy định đến 20%" quy định tại điểm a khoản 6 Điều 9 và điểm a khoản 5 Điều 10 Nghị định số 15/2003/NĐ-CP được hiểu là chạy quá tốc độ từ trên 0% đến 20% so với quy định về tốc độ của xe cơ giới được phép chạy trên đường bộ, ví dụ: trên đường có quy định tốc độ tối đa của xe ô tô tải là 50km/h, nếu xe này chạy từ trên 50km/h đến 60km/h đều được coi là chạy quá tốc độ quy định đến 20%.

3. Về hành vi vi phạm quy định về xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông:

a) Xe ô tô tải chở hàng vượt quá kích thước giới hạn cho phép của xe (điểm a khoản 3 Điều 29) được hiểu là xe ô tô chở hàng mà xếp hàng vượt phía trước hoặc phía sau thùng xe trên 10% chiều

dài toàn bộ xe; xếp hàng quá bề rộng thùng xe, quá giới hạn chiều cao cho phép của từng loại xe theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Xe ô tô khách chở hàng vượt quá kích thước bao ngoài của xe (điểm e khoản 4 Điều 28) được hiểu là xe ô tô chở khách xếp hàng hóa, hành lý nhô ra quá mặt ngoài của vỏ xe hoặc nhô quá chiều cao, chiều rộng, chiều dài của khung xếp hàng hóa, hành lý trên nóc xe (nếu loại xe có khung để hành lý trên nóc xe);

c) Xe mô tô, xe gắn máy chở vật cồng kềnh (điểm e khoản 3 Điều 10) được hiểu là xe mô tô, xe gắn máy xếp hàng hóa, hành lý vượt quá bề rộng đèo hàng về mỗi bên 0,30 mét, vượt quá chiều cao tính từ mặt đất là 2 mét, vượt quá phía sau đèo hàng là 0,50 mét;

d) Xe thô sơ xếp hàng hóa trên xe không đảm bảo an toàn, gây trở ngại giao thông, che khuất tầm nhìn của người điều khiển (điểm n khoản 1 Điều 12) và xếp hàng trên xe vượt quá giới hạn quy định (điểm a khoản 3 Điều 14) được hiểu là xe thô sơ xếp hàng hóa vượt phía trước hoặc phía sau quá một phần ba chiều dài thân xe, xếp vượt quá bề rộng thân xe. Riêng xe thô (xe đạp thô) chở hàng hóa, hành lý quá 0,40 mét về mỗi bên bánh xe, vượt phía trước, phía sau quá 1 mét.

4. Về hành vi cản trở, chống đối hoặc chống người thi hành công vụ:

Hành vi cản trở, chống đối hoặc chống người thi hành công vụ quy định tại khoản 9 Điều 9; khoản 9 Điều 10; khoản 2 Điều 38; điểm a khoản 4 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39 được hiểu là hành vi của người vi phạm hành chính khi bị phát hiện hoặc bị xử lý nhưng không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ về: xuất trình giấy tờ, yêu cầu về trụ sở để giải quyết, tự ý bỏ phương tiện vi phạm đi nơi khác hoặc có hành vi như đe dọa, uy hiếp về tinh thần, sức khỏe, tính mạng của người thi hành công vụ, hoặc có hành vi lăng mạ bằng lời nói, xúc phạm danh dự của

người thi hành công vụ, lôi kéo, kích động, xúi giục người khác gây khó khăn, cản trở cho việc kiểm tra, kiểm soát hoặc các hành vi khác chống đối người thi hành công vụ.

5. Về hành vi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không có gương chiếu hậu:

Hành vi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không có gương chiếu hậu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 là trường hợp không có gương chiếu hậu phía bên trái tay lái hoặc không có cả hai gương chiếu hậu.

6. Tạm giữ các loại giấy tờ có liên quan đến phương tiện và người điều khiển phương tiện vi phạm quy định về giao thông đường bộ:

a) Trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền thì người có thẩm quyền xử phạt có quyền tạm giữ Giấy phép lái xe, Đăng ký xe hoặc giấy tờ cần thiết khác có liên quan cho đến khi cá nhân, tổ chức vi phạm chấp hành xong quyết định xử phạt. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không có những giấy tờ nói trên, thì người có thẩm quyền xử phạt có thể tạm giữ phương tiện. Ví dụ, người điều khiển phương tiện không có Giấy phép lái xe, không có đăng ký xe hoặc sử dụng bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe có công chứng Nhà nước và xác nhận của cơ quan tổ chức tín dụng về việc dùng đăng ký xe để cầm cố, thế chấp mà thời hạn sử dụng đã hết để điều khiển phương tiện, trong trường hợp này được coi là hành vi không có giấy tờ và được tạm giữ phương tiện;

b) Khi tạm giữ Giấy phép lái xe hoặc đăng ký xe phải lập biên bản và hẹn ngày đến trụ sở cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Chỉ trả Giấy phép lái xe hoặc đăng ký xe bị tạm giữ sau khi đã thực hiện xong quyết định xử phạt;

c) Trường hợp ngoài việc áp dụng hình thức phạt tiền, người có hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe hoặc bị đánh dấu số lần vi phạm

pháp luật về giao thông đường bộ trên Giấy phép lái xe, thì tạm giữ Giấy phép lái xe để buộc người vi phạm thi hành hình thức xử phạt và đánh dấu số lần vi phạm.

7. Tạm giữ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ:

a) Việc tạm giữ phương tiện vi phạm chỉ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Những hành vi vi phạm mà Nghị định số 15/2003/NĐ-CP có quy định tạm giữ phương tiện;

- Để xác minh tình tiết làm căn cứ quyết định xử lý hoặc ngăn chặn ngay vi phạm hành chính, ví dụ: khi kiểm tra giấy tờ của phương tiện mà có căn cứ nghi vấn giấy tờ đó không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc giấy tờ cấp không đúng thẩm quyền, giấy tờ đã hết hạn sử dụng; phương tiện không có biển số (trừ phương tiện trên đường đi đăng ký) hoặc có nhưng không do cơ quan có thẩm quyền cấp, biển số xe không trùng với biển số trong đăng ký xe; trường hợp lạng lách, đánh võng; đua xe trái phép hoặc sử dụng xe từ 175cm³ trở lên (không đúng đối tượng được sử dụng) và các trường hợp khác cần để xác minh tình tiết làm căn cứ quyết định xử lý hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính;

b) Việc tạm giữ phương tiện phải thực hiện theo đúng quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn tạm giữ phương tiện vi phạm.

8. Về các loại xe có kết cấu tương tự:

Các loại xe có kết cấu tương tự, được hiểu là các loại xe có cấu tạo, tính năng và công dụng gần giống với các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cụ thể như sau:

a) Xe có kết cấu tương tự như xe ô tô là xe chạy bằng động cơ có bốn bánh hoặc nhiều hơn bốn bánh, không chạy trên đường ray và được dùng để chở người hoặc hàng hóa;

b) Xe có kết cấu tương tự như xe gắn máy là

xe có hai bánh di chuyển bằng động cơ và khi tắt máy thì đạp xe đi được;

c) Xe có kết cấu tương tự như xe mô tô hai bánh là xe có hai bánh, di chuyển bằng động cơ, có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên và tổng trọng lượng toàn xe không vượt quá 400 kilôgam;

d) Xe có kết cấu tương tự như xe mô tô ba bánh là xe di chuyển bằng động cơ, có dung tích xi lanh từ 50cm³ trở lên, có sức chở từ 350 kilôgam đến 500 kilôgam.

9. Về xe quá tải, xe quá khổ của cầu, đường:

a) Xe quá tải là xe có tổng trọng lượng bao gồm trọng lượng của xe và hàng vượt quá năng lực chịu tải của cầu hoặc xe có tải trọng trục đơn vượt quá năng lực chịu tải của mặt đường;

b) Xe quá khổ là xe có kích thước chiều cao hoặc chiều rộng bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe vượt quá khổ giới hạn an toàn của đường hoặc cầu.

10. Việc thu, nộp tiền phạt tại chỗ:

a) Để thực hiện đúng quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và quản lý chặt chẽ việc thu nộp tiền xử phạt tại chỗ, công an các đơn vị, địa phương phải có bộ phận thu, nộp tiền phạt chung của đơn vị, để tiếp nhận tiền phạt từ cán bộ, chiến sỹ xử phạt tại chỗ và nộp tiền phạt vào Kho bạc Nhà nước;

b) Người có thẩm quyền thu tiền phạt tại chỗ sau khi hết ca công tác (kể cả trong và ngoài giờ hành chính) phải nộp lại số tiền phạt thu được kèm theo quyết định xử phạt và chứng từ biên lai thu tiền phạt cho bộ phận thu tiền phạt của đơn vị. Trong thời hạn 02 ngày, Thủ trưởng đơn vị phải chỉ đạo thực hiện việc nộp tiền phạt thu được vào Kho bạc Nhà nước theo quy định.

11. Tổ chức thực hiện:

a) Các Tổng cục, Bộ Tư lệnh, các đơn vị trực

thuộc Bộ, công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức phổ biến quán triệt nội dung Nghị định số 15/2003/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính về giao thông đường bộ và Thông tư này đến từng cán bộ, chiến sỹ, chú trọng là cán bộ chiến sỹ trực tiếp thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lực lượng cảnh sát giao thông đường bộ, cảnh sát trật tự, cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, đảm bảo việc thi hành nghiêm và thống nhất các quy định của Chính phủ và của Bộ;

b) Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, các Phòng cảnh sát giao thông, cảnh sát trật tự, cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải đặt các hòm thư để nhận đơn, thư góp ý, khiếu nại, tố cáo của nhân dân về xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ theo Quyết định số 729/1998/QĐ ngày 09/11/1998 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành các quy chế thực hiện dân chủ trong lực lượng công an nhân dân. Mọi khiếu nại, tố cáo của công dân đều phải được giải quyết kịp thời và trả lời bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Cơ quan có thẩm quyền xử phạt hàng ngày phải thực hiện đúng chế độ hồ sơ, thống kê, báo cáo xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ theo quy định của Bộ, đồng thời, phải có nhật ký kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính, sổ theo dõi tình hình quyết định xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ.

c) Tổng cục Cảnh sát chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

d) Thông tư này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ký; bãi bỏ Thông tư số 02/1999/ TT-BCA (C11) ngày 10/02/1999 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số quy định của Chính phủ về đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, cần báo cáo về Bộ (qua Tổng cục II) để có hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời./.

KT. Bộ trưởng Bộ Công an
Thủ trưởng

LÊ THẾ TIỆM

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công an số 418/2003/QĐ-BCA(A11) ngày 03/7/2003 về Danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành thủy sản.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28/12/2000;

Căn cứ Nghị định số 37/1998/NĐ-CP ngày 09/6/1998 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành thủy sản gồm những tin trong phạm vi sau: